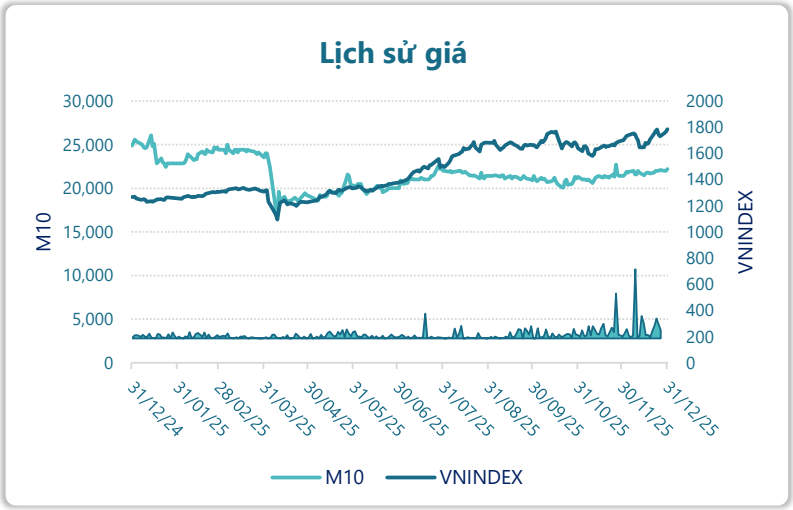
FireAnt

Tổng công ty May 10 - CTCP (UPCOM: M10)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,890
SL cổ phiếu LH	31,750,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	705
P/E	4.0
EPS	5,609

DT thuần

Q4/25

1,287

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -1.8%

YoY: ▼19.0| -1.5%

LN sau thuế

Q4/25

54.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.50| 11.3%

YoY: ▲ 34.2| 173%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.8%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

2025

5,011

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 364| 7.8%

LN sau thuế

2025

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 80.2| 82.1%

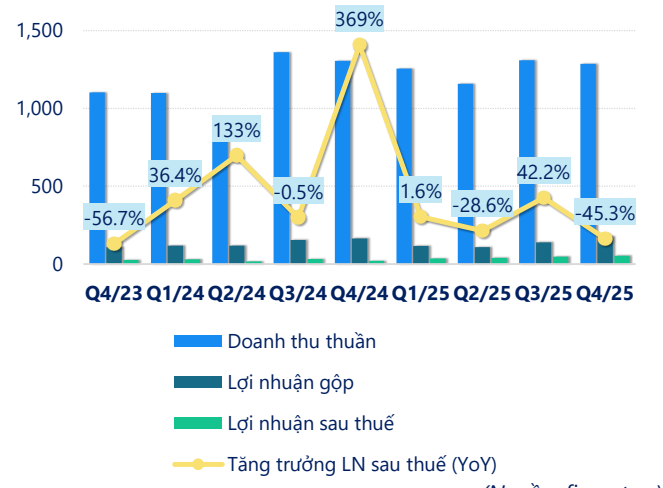
ROE

2025

28.4%

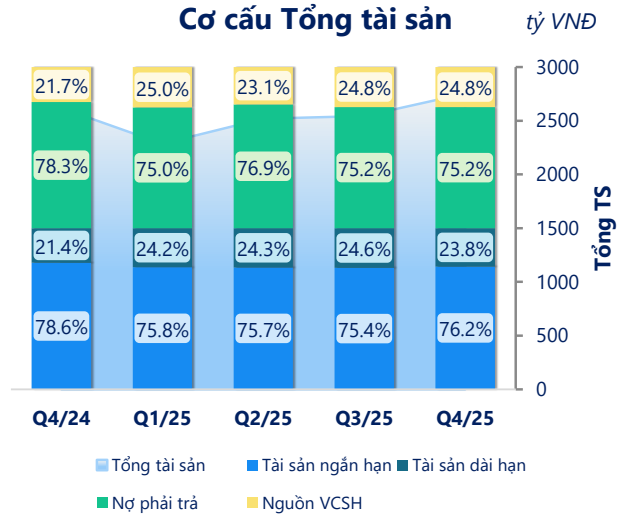
+/- YoY: ▲ 10.7%

Kết quả kinh doanh



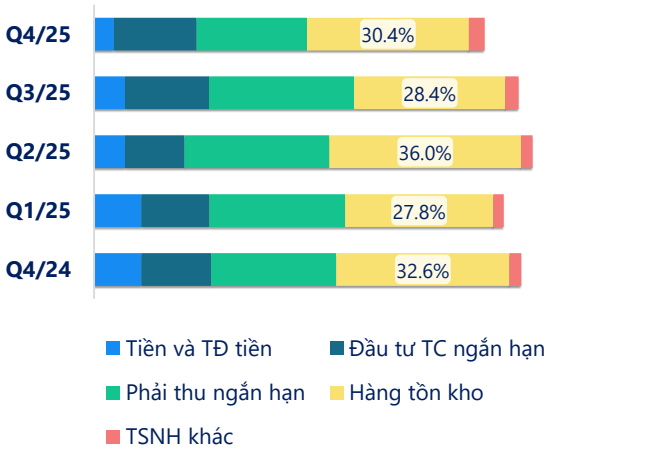
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



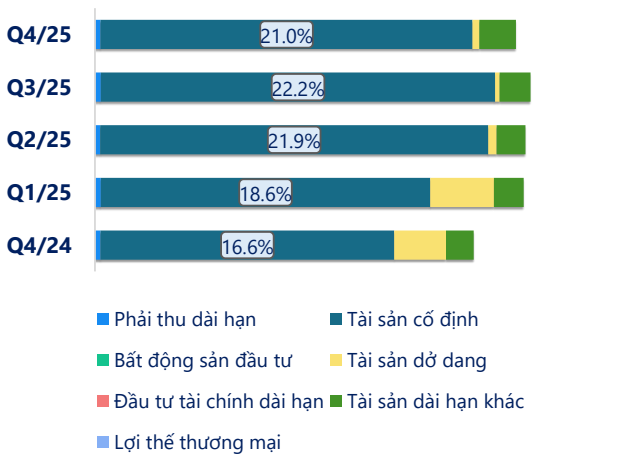
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



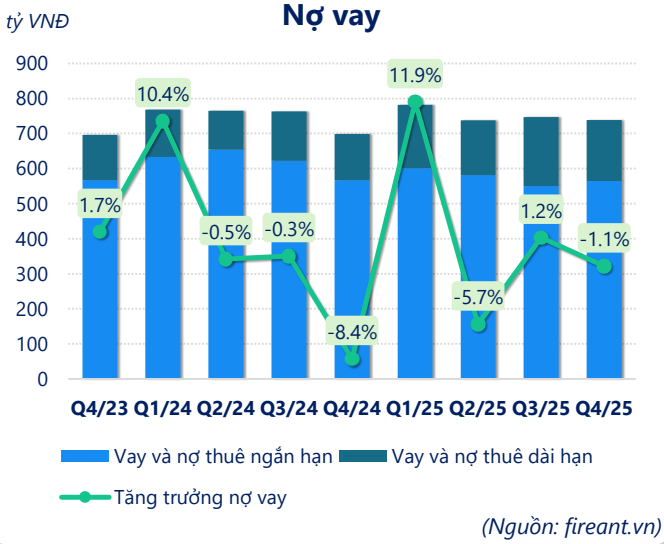
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



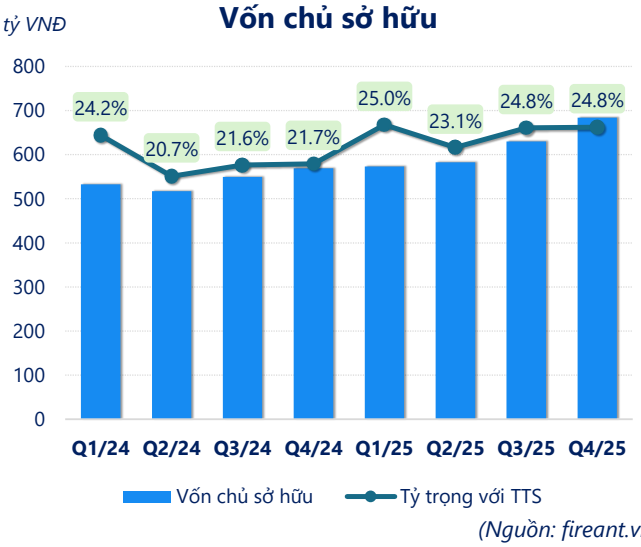
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



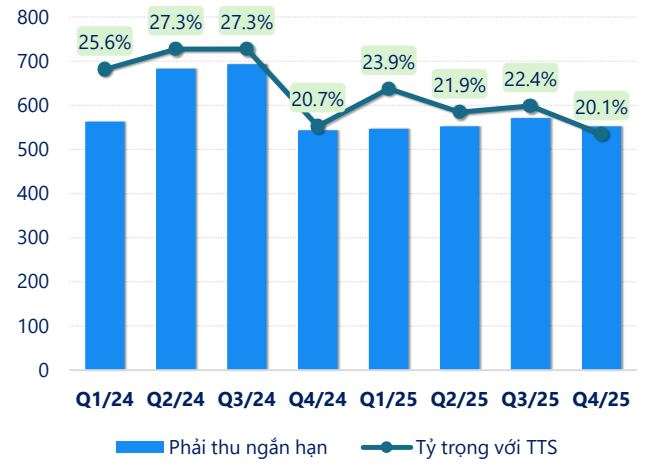
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



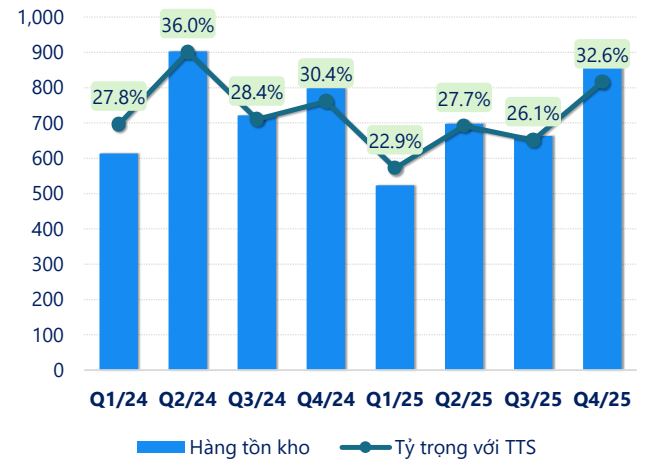
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



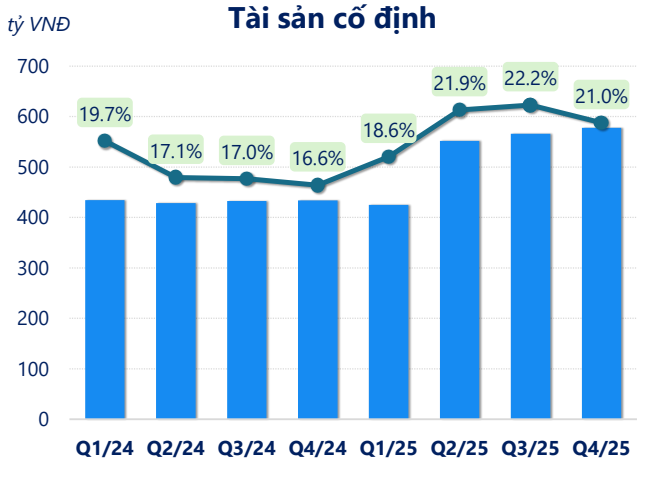
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



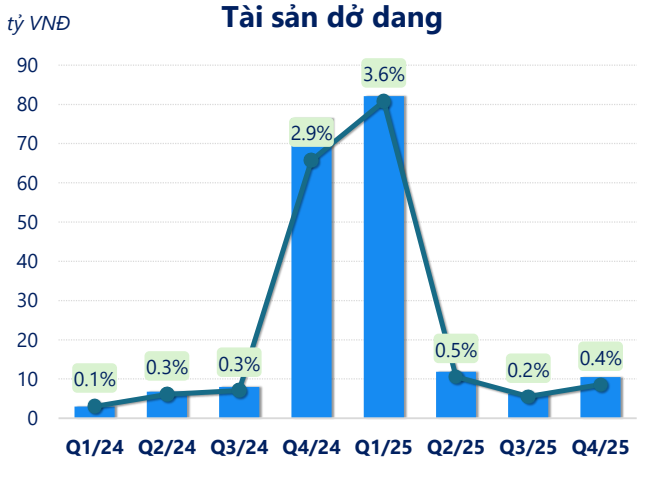
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



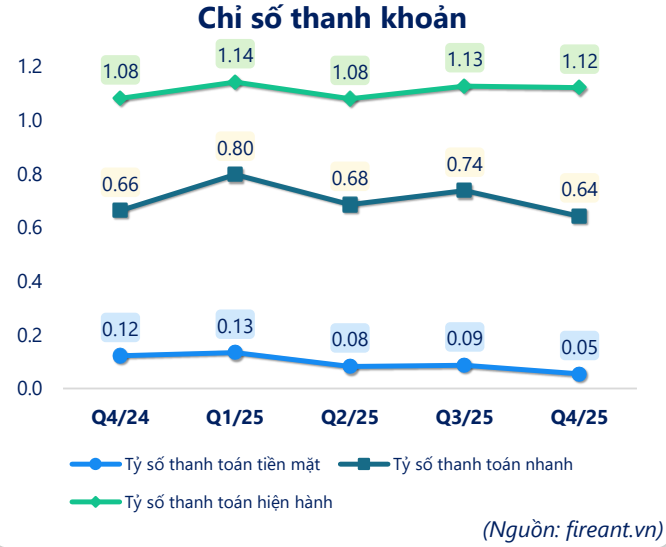
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



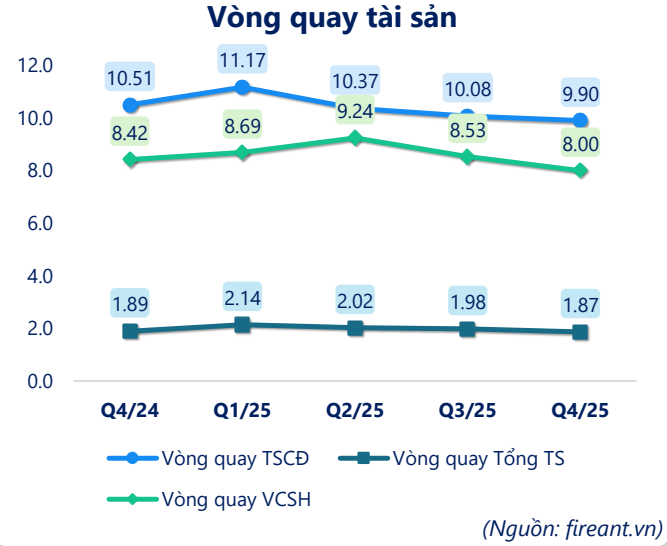
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,620**	**2,287**	**2,520**	**2,543**	**2,753**
Tài sản ngắn hạn	**2,060**	**1,734**	**1,908**	**1,918**	**2,099**
Tiền và tương đương tiền	232	203	146	147	102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	408	367	395	449	437
Phải thu ngắn hạn	543	547	552	571	552
Hàng tồn kho	798	523	698	663	898
Tài sản ngắn hạn khác	78.7	93.6	117	88.1	110
Tài sản dài hạn	**560**	**553**	**612**	**625**	**654**
Phải thu dài hạn	8.25	7.51	7.35	8.51	8.73
Tài sản cố định	434	425	552	566	578
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.5	82.1	11.8	6.24	10.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	40.8	38.4	41.3	44.5	57.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,050**	**1,715**	**1,938**	**1,913**	**2,069**
Nợ ngắn hạn	**1,905**	**1,519**	**1,767**	**1,702**	**1,872**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	567	601	581	550	565
Phải trả người bán ngắn hạn	811	525	705	590	771
Nợ dài hạn	146	196	171	211	197
Vay và nợ thuê dài hạn	131	182	157	197	174
Nguồn vốn chủ sở hữu	**569**	**573**	**582**	**630**	**684**
Vốn chủ sở hữu	**569**	**573**	**582**	**630**	**684**
Vốn điều lệ	318	318	318	318	318
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)